

# LỖI SAI KHI SỬ DỤNG VĨ TỐ DẠNG ĐỊNH NGỮ: PHÂN TÍCH TRÊN DỮ LIỆU CỦA SINH VIÊN NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ HÀN QUỐC

Phạm Nguyễn Thanh Thảo

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

pntthao1910@gmail.com

(Nhận bài: 10/09/2024; Hoàn thành phân biên: 29/11/2024; Duyệt đăng: 27/12/2024)

**Tóm tắt:** Bài viết tập trung khảo sát việc sử dụng vĩ tố dạng định ngữ của sinh viên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc. Qua việc thu thập bài viết, thống kê, xử lý và phân tích số liệu, nghiên cứu đã chỉ ra các lỗi sai phổ biến mà sinh viên gặp phải khi sử dụng vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ’, ‘-는’, ‘-(으)ㄹ’. Bài viết đã nêu rõ rằng lỗi sai liên quan đến vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ’ gặp đôi so với lỗi sai của các vĩ tố dạng định ‘-는’ và ‘-(으)ㄹ’, trong đó lỗi thay thế là nhiều nhất. Dựa trên kết quả khảo sát, bài viết đã đưa ra những lưu ý quan trọng khi dạy và học vĩ tố dạng định ngữ.

**Từ khóa:** Lỗi sai, vĩ tố dạng định ngữ, phân tích lỗi sai, tiếng Hàn

## 1. Mở đầu

Tiếng Hàn với hệ thống ngữ pháp phong phú và phức tạp, chứa đựng nhiều yếu tố cấu thành các thành phần của câu. Trong đó, vĩ tố dạng định ngữ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định và bổ nghĩa cho danh từ. Vĩ tố dạng định ngữ là những vĩ tố gắn vào động từ hoặc tính từ để biến chúng thành các thành phần bổ nghĩa cho danh từ trong câu. Vĩ tố dạng định ngữ giúp xác định rõ ràng các đặc điểm, trạng thái, hoặc hành động liên quan đến danh từ mà chúng bổ nghĩa. Vĩ tố dạng định ngữ là một phần thiết yếu của ngữ pháp tiếng Hàn. Không những vậy, Tiếng Hàn có nhiều loại vĩ tố dạng định ngữ khác nhau như ‘-(으)ㄴ’, ‘-는’, ‘-(으)ㄹ’, ‘-던’ mỗi loại mang chức năng và ngữ nghĩa riêng biệt. Do đó, việc phân loại và hiểu rõ từng loại vĩ tố này rất quan trọng để sử dụng một cách chính xác. Các vĩ tố dạng định ngữ có thể được sử dụng với các ý nghĩa khác nhau tùy theo ngữ cảnh và phong cách diễn đạt. Vì vậy việc hiểu và sử dụng vĩ tố dạng định ngữ một cách chính xác vẫn là một thách thức lớn đối với cả người học và người sử dụng tiếng Hàn.

Trật tự từ vựng trong câu tiếng Việt và tiếng Hàn khác biệt nhau, đặc biệt trong tiếng Việt không tồn tại vĩ tố dạng định ngữ. Đối với người Việt Nam khi học tiếng Hàn, gặp rất nhiều khó khăn trong việc diễn đạt câu phức tiếng Hàn. Bên cạnh đó, vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ’, ‘-(으)ㄴ’, ‘-(으)ㄹ’ trong tiếng Hàn mang nhiều ý nghĩa và được sử dụng rất đa dạng. Tuy nhiên, trong giáo trình giảng dạy tiếng Hàn chưa phản ánh được hết tầng ý nghĩa của vĩ tố dạng định ngữ cũng như chưa hệ thống hóa về mặt nội dung. Chính vì vậy, người học tiếng Hàn thường xuyên phạm phải lỗi sai là điều không thể tránh khỏi. Đây cũng chính là lý do cần thiết phải nghiên cứu những lỗi sai của sinh viên khi sử dụng vĩ tố định ngữ trong câu tiếng Hàn, nhằm giảm thiểu các lỗi và giúp sinh viên viết câu tiếng Hàn một cách chính xác và trôi chảy hơn.

Đặc biệt, đối với sinh viên năm thứ hai Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế sau khi hoàn thành giai đoạn sơ cấp và bước lên giai đoạn trung cấp thường mắc phải lỗi liên quan đến vĩ tổ dạng định ngữ. Nguyên nhân là do sinh viên không nắm rõ vĩ tổ dạng định ngữ kết hợp với đại từ hoặc danh từ nào trong câu, dẫn đến việc sai trật tự câu.

Ngay cả khi xác định đúng vị trí của vĩ tổ dạng định ngữ, vẫn không ít trường hợp xảy ra lỗi sử dụng nhầm các vĩ tổ dạng định ngữ với nhau. Vì vậy, sinh viên gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng câu phức, không chỉ trong văn viết mà còn trong giao tiếp hàng ngày.

Mục đích của bài nghiên cứu này là xác định các lỗi sai phổ biến liên quan đến vĩ tổ định ngữ, giúp sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn nâng cao nhận thức về những sai sót thường gặp. Từ đó, sinh viên có thể giảm thiểu lỗi khi sử dụng vĩ tổ định ngữ trong quá trình viết tiếng Hàn một cách hiệu quả hơn. Ngoài ra, nghiên cứu này không chỉ hỗ trợ sinh viên nâng cao khả năng ngữ pháp mà còn cung cấp tài liệu tham khảo hữu ích cho giảng viên, giúp cải thiện phương pháp giảng dạy và xây dựng các chiến lược hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng học tập tiếng Hàn. Hơn nữa, kết quả nghiên cứu có thể đóng góp vào việc phát triển các chương trình giảng dạy phù hợp với nhu cầu và trình độ của sinh viên.

## 2. Câu hỏi nghiên cứu

- (1). Lỗi sai sinh viên năm thứ hai Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế khi sử dụng vĩ tổ dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ, -는, -(으)ㄹ’ trong môn Viết.
- (2). Nguyên nhân gây ra lỗi sai khi sử dụng vĩ tổ dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ, -는, -(으)ㄹ’.
- (3). Những điều cần chú ý khi dạy và học vĩ tổ dạng định ngữ.

## 3. Cơ sở lý luận

### 3.1 Các nghiên cứu trước đây

Đã có nhiều nghiên cứu về lỗi sai trong việc sử dụng vĩ tổ dạng định ngữ của sinh viên người Việt, và chủ đề này đã được khai thác rộng rãi trong các công trình nghiên cứu trước đây. Tuy nhiên, mỗi nghiên cứu lại mang đến những góc nhìn mới và giải pháp khác nhau, đóng góp vào việc hiểu rõ hơn về thách thức ngôn ngữ mà sinh viên phải đối mặt. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc tiếp tục nghiên cứu sâu hơn để tìm ra những phương pháp hiệu quả giúp sinh viên cải thiện kỹ năng tiếng Hàn.

Lee Byung Woon (2011), trong bài nghiên cứu ‘Phân tích xu hướng lỗi viết của người Việt Nam học tiếng Hàn- tập trung vào trợ từ và vĩ tổ’ đã phân tích lỗi sai trợ từ và vĩ tổ trong 448 bài văn ngắn của sinh viên năm 3,4 khoa Tiếng Hàn Trường Đại học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh. Theo như kết quả của bài nghiên cứu, trong việc sử dụng vĩ tổ (vĩ tổ chỉ thời gian) chiếm tỷ lệ cao nhất với 43,9%, tiếp theo là lỗi sử dụng vĩ tổ liên kết chiếm 23,6%, lỗi sử dụng đuôi chuyển đổi chiếm 16,6%, lỗi sử dụng vĩ tổ kết thúc chiếm 9,4%, và lỗi sử dụng vĩ tổ kính ngữ chiếm 6,4%. Ông cho rằng vì tiếng Việt không có trợ từ và vĩ tổ - đặc điểm điển hình của tiếng Hàn là ngôn ngữ chấp dính, nên việc người Việt mắc nhiều lỗi trong việc sử dụng trợ từ và vĩ tổ khi học tiếng Hàn là điều hiển nhiên. Bên cạnh đó, ông đề xuất rằng cần có phương pháp giáo dục phù hợp cho người học tiếng Hàn dựa trên sự khác biệt cấu trúc giữa tiếng Việt và tiếng

Hàn, cần tập trung vào việc nắm vững khái niệm và sử dụng trợ từ và vĩ tố, và các nội dung học liên quan đến việc sử dụng vị từ cũng cần được đưa vào những nội dung học quan trọng. Tuy nhiên, nghiên cứu này còn thiếu sót khi chưa thiết lập được nội dung giáo dục cụ thể về vĩ tố dạng định ngữ.

Ha Thi Thu Thuy (2011) trong luận văn thạc sĩ với chủ đề ‘Nghiên cứu nội dung giảng dạy định ngữ cho người Việt Nam học tiếng Hàn’ đã phân tích sự phân bố lỗi định ngữ và chỉ ra rằng lỗi thiếu thành phần định ngữ chiếm 27,6%, lỗi thay thế đuôi từ định ngữ chiếm 30,5%, và lỗi thay thế thứ tự sắp xếp định ngữ chiếm 25,9%. Và cho rằng nguyên nhân gây ra ba loại lỗi định ngữ này là do khó khăn trong việc học các yếu tố ngữ pháp, cấu trúc câu khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Hàn, có thể bị có ảnh hưởng từ môi trường học tập. Dựa trên kết quả phân tích lỗi của người học tiếng Việt, bài nghiên cứu đã đề xuất các phương án giáo dục quan đến việc dạy các vĩ tố dạng định ngữ. Tuy nhiên, tính ứng dụng của giáo án vẫn chưa được kiểm chứng.

Han Song Hwa (2015) trong bài báo ‘Nghiên cứu về cách sử dụng vĩ tố định ngữ của người học tiếng Hàn: Tập trung vào sự khác biệt theo ngôn ngữ và mức độ thành thạo.’ đã phân tích kho dữ liệu với khoảng 16 nghìn cụm từ và tìm ra sự khác biệt trong cách sử dụng vĩ tố dạng định ngữ của người học tiếng Hàn theo các vùng ngôn ngữ và theo mức độ thành thạo tiếng Hàn. Kết quả của nghiên cứu cho thấy người học tiếng Hàn ở mức độ thành thạo càng cao càng sử dụng nhiều vĩ tố dạng định ngữ.

Pham Hong Phuong (2016), trong bài báo ‘Nghiên cứu về cách sử dụng định ngữ trong bài viết của người Việt học tiếng Hàn trình độ cao cấp’ đã phân tích bài viết của sinh viên và tìm ra lỗi sai, nguyên nhân gây ra lỗi sai khi sử dụng vĩ tố dạng định ngữ. Bài nghiên cứu chỉ dừng lại ở đối tượng nghiên cứu với sinh viên trình độ cao cấp và cũng như không đưa ra các phương án giáo dục cụ thể. Do đó bỏ qua các sinh viên trình độ sơ cấp và trung cấp, điều này là một sự thiếu sót bởi vì người học tiếng Hàn trình độ sơ cấp và trung cấp cũng gặp không ít lỗi liên quan đến vĩ tố dạng định ngữ.

Theo kết quả khảo sát của Dinh Thi Thu Hien (2014), ở bài luận văn thạc sĩ ‘Nghiên cứu lỗi sai câu phức xuất hiện ở bài viết của người Việt học tiếng Hàn’, các lỗi liên quan đến câu phức mà người học tiếng Hàn là người Việt thường gặp phải, lỗi liên quan đến các mệnh đề định ngữ là loại lỗi sai chiếm tỷ lệ cao nhất. Nguyên nhân của xảy ra lỗi ở mệnh đề định ngữ ở người Việt học tiếng Hàn bao gồm lỗi do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và lỗi do ảnh hưởng của ngôn ngữ mục tiêu.

Theo Kim Jeong-ja (2016), trong bài báo ‘Nghiên cứu dạng lỗi ngữ pháp xuất hiện trong bài viết của người Việt học tiếng Hàn’ lỗi ngữ pháp từ giai đoạn sơ cấp đến cao cấp có dạng hình chữ U, với tỷ lệ lỗi cao nhất ở giai đoạn sơ cấp và thấp nhất ở giai đoạn trung cấp. Ở giai đoạn cao cấp, các loại lỗi đa dạng hơn so với các giai đoạn khác. Vĩ tố dạng định ngữ chuyển đổi thường xuất hiện dưới dạng ‘(으)ㄴ’, ‘-는’, ‘(으)ㄹ’, ‘-던’, ‘-고 하는’, và thường xảy ra nhiều trường hợp nhầm lẫn khi nhận thức vĩ tố dạng định ngữ chuyển đổi như một dạng trợ từ. Đây là trường hợp sử dụng các vĩ tố như ‘(으)ㄴ’, ‘-는’, ‘(으)ㄹ’ thay cho vĩ tố kết thúc, khiến cho các vĩ tố bỏ nghĩa cho các danh từ như ‘ 기억 (kỷ niệm), 사건 (sự kiện), 사실 (sự thật), 경험 (kinh nghiệm)’ bị nhầm lẫn với trợ từ.

Theo kết quả nghiên cứu của Kim Soon-il (2018), trong bài luận văn tiến sĩ ‘Nghiên cứu dạng lỗi sai tiếng Hàn của người Việt Nam – Tập trung vào từ vựng và ngữ pháp’, người học tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp và trung cấp tại Việt Nam gặp khó khăn nhất ở ngữ pháp trong kỹ năng viết. Trong số các lỗi ngữ pháp, lỗi liên quan đến trợ từ chiếm 58,54%, và lỗi liên quan đến vĩ tố chiếm 41,46%. Nghiên cứu này chỉ ra rằng người học tiếng Việt ở trình độ sơ cấp và trung cấp không thể sử dụng đúng vĩ tố dạng định ngữ chuyển đổi ‘-(으)ㄴ, -는, -(으)ㄹ’ và vĩ tố danh từ hóa ‘-(으)ㄴ, -기’.

Như vậy, các nghiên cứu trước đây đã được tiến hành với nhiều mục đích khác nhau, và mỗi nghiên cứu đã tiếp cận từ những góc nhìn riêng biệt dựa trên tiêu chí. Dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về vĩ tố định ngữ trong tiếng Hàn, nhưng vẫn còn hạn chế trong việc tập trung vào lỗi sử dụng các vĩ tố dạng định ngữ. Hơn nữa, trong các nghiên cứu về lỗi ngữ pháp tiếng Hàn hoặc lỗi viết của sinh viên học tiếng Hàn, các lỗi liên quan đến vĩ tố định ngữ thường chỉ được đề cập một cách sơ lược và chưa được phân tích sâu sắc. Do đó, việc nghiên cứu chuyên sâu về lỗi sử dụng vĩ tố định ngữ là cần thiết để cung cấp cái nhìn rõ hơn và các giải pháp cụ thể nhằm cải thiện kỹ năng ngôn ngữ của sinh viên.

### 3.2 Các dạng vĩ tố định ngữ trong tiếng Hàn

Vĩ tố dạng định ngữ trong tiếng Hàn gồm bốn loại: ‘(으)ㄴ’, ‘-는’, ‘(으)ㄹ’, và ‘-던’. Hiện nay, Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế đang sử dụng giáo trình Ewha để giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành, và giáo trình Vitamin cho sinh viên chọn tiếng Hàn là ngoại ngữ hai. Vì vậy bài nghiên cứu sẽ tìm hiểu ý nghĩa và chức năng của bốn vĩ tố này thông qua hai giáo trình trên.

Giáo trình Ewha quyển 1-2 bài 12 đã giải thích rằng vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ’ được thêm vào gốc tính từ để bỏ nghĩa cho danh từ và chỉ trạng thái hiện tại của danh từ đó, gốc tính từ kết thúc bằng nguyên âm, sử dụng vĩ tố ‘-ㄴ’, và khi kết thúc bằng phụ âm, sử dụng vĩ tố ‘-은’. Trong bài 15 giải thích rằng vĩ tố dạng định ngữ ‘-는’ được gắn vào cuối động từ để bỏ nghĩa cho danh từ và diễn tả một sự kiện hoặc hành động đang xảy ra hiện tại. Đồng thời, vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ’ được gắn vào cuối động từ để bỏ nghĩa cho danh từ và thể hiện một sự kiện hoặc hành động đã xảy ra trong quá khứ. Ngoài ra, vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄹ’ được gắn vào cuối động từ để bỏ nghĩa cho danh từ và diễn tả một sự kiện hoặc hành động sẽ xảy ra trong tương lai. Đến bài 14 của giáo trình Ewha quyển 2-2, vĩ tố định ngữ ‘-던’ được giới thiệu và giải thích rằng vĩ tố này được dùng khi hỏi tường về một sự kiện hoặc hành động đã xảy ra trong quá khứ, thể hiện rằng hành động đó đã từng lặp đi lặp lại đến một thời điểm nhất định trong quá khứ.

Trong giáo trình Vitamin, quyển 2 bài 3-1 giải thích rằng vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ’ được sử dụng với gốc tính từ để biến chúng thành các yếu tố bỏ nghĩa cho danh từ. Đối với tính từ ở thì hiện tại, sử dụng vĩ tố ‘-(으)ㄴ’; khi gốc tính từ kết thúc bằng nguyên âm, dùng vĩ tố ‘-ㄴ’, và khi kết thúc bằng phụ âm, dùng vĩ tố ‘-은’. Ở bài 4-2, giáo trình đưa ra các vĩ tố dạng

định ngữ như ‘-(으)ㄴ’, ‘-는’, và ‘-(으)ㄹ’, được sử dụng với gốc động từ để có thể bỏ nghĩa cho danh từ tương ứng. Cụ thể, đối với động từ ở thì quá khứ, sử dụng vĩ tố ‘-(으)ㄴ’; ở thì hiện tại, sử dụng vĩ tố ‘-는’; và ở thì tương lai, sử dụng vĩ tố ‘-(으)ㄹ’. Trong quyển 3 bài 3-1, vĩ tố định ngữ ‘-던’ được giải thích là dùng để chỉ những sự việc chưa kết thúc hoặc những hành động thường xuyên xảy ra trong quá khứ.

### 3.3 Lỗi ngữ pháp

Để tổng hợp và phân tích các lỗi sai khi sử dụng vĩ tố dạng định ngữ trong các bài viết, cần phải xác định các tiêu chuẩn dạng lỗi sai ngữ pháp. Mỗi học giả sẽ đưa ra các tiêu chuẩn dạng lỗi sai khác nhau. Trong nghiên cứu của Lee Jung-hee (2002), các lỗi ngữ pháp được phân loại thành ba loại: 대치 (thay thế), 누락 (thiếu sót) và 첨가 (thêm vào), cụ thể như sau:

**Bảng 1.** Các dạng lỗi ngữ pháp

| Dạng lỗi          | Định nghĩa   | Ví dụ   |
|-------------------|--|---|
| 대치(Lỗi thay thế)  | Lỗi thay thế là trường hợp người học thay đổi hình thức ngữ pháp bằng một dạng khác hoặc thay đổi từ vựng bằng một từ có nghĩa tương tự. | 가. 제 언니는 *잘(√좋은) 의사가 이에요. (중국, 초급)<br>Chị của tôi là bác sĩ giỏi. (Trung Quốc, sơ cấp)<br>나. 그 가게는 유명*하는(√한) 곳입니다. (일본, 초급)<br>Cửa hàng đó nổi tiếng (Nhật bản, sơ cấp)<br>다. 동대문 시장은 한국*에 (√에서) 아주 유명한 시장입니다. (중국, 초급)<br>Chợ Dongdaemun là chợ rất nổi tiếng ở Hàn Quốc. (Trung Quốc, sơ cấp) |
| 누락(Lỗi thiếu sót) | Lỗi thiếu sót xảy ra khi người học không nhớ chính xác hình thức hoặc cố ý tránh sử dụng nó.   | 가. 그러나 그들*Ø(√은) 지금 이미 퇴직했어요. (중국, 초급)<br>Nhưng họ bây giờ đã nghỉ hưu. (Trung Quốc, sơ cấp)<br>나. 치*(√친) 구들이 2번 출구에 있어요. (일본, 초급)<br>Những người bạn của tôi ở cửa ra số 2. (Nhật bản, sơ cấp)<br>다. 좋*Ø (√은)음식은 먹고 싶어요. (중국, 초급)<br>Tôi muốn ăn những món ăn ngon. (Trung Quốc, sơ cấp)        |
| 첨가(Lỗi thêm vào)  | Lỗi thêm vào là trường hợp người học thêm vào các hình thức ngữ pháp và từ vựng không cần thiết.   | 가. 그리고 외국*인 (√Ø) 사람을 유명해요. (필리핀, 초급)<br>Và người ngoại quốc rất nổi tiếng. (Philippines, sơ cấp)<br>나. 저는 돈을 친구에게 *준 (√주) 고   |

|  |  |   |
|--|--|---|
|  |  | 싶어요.(베트남, 초급)<br>Tôi muốn cho bạn tiền. (Việt Nam, sơ cấp)<br>다. 제 친구*의 (√∅) 타케시씨는 아주<br>재미있어요. (일본, 초급)<br>Bạn của tôi Takeshi, rất vui tính. (Nhật bản, sơ cấp) |
|--|--|---|

#### 4. Phương pháp nghiên cứu

##### 4.1 Bối cảnh nghiên cứu

Khác với tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ, tiếng Hàn có cấu trúc sắp xếp thành phần câu trái ngược, gây nhiều khó khăn cho sinh viên năm hai chuyên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, là những người học đang ở trình độ cuối sơ cấp, đầu trung cấp, trong việc viết câu tiếng Hàn hoàn chỉnh. Đặc biệt, do trong tiếng Việt không tồn tại vĩ tố dạng định ngữ, việc sử dụng chính xác các vĩ tố này trong tiếng Hàn là điều không hề dễ dàng.

Giáo trình Ewha, được sử dụng làm tài liệu chính cho sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn, chưa hệ thống hóa liên tục nội dung về vĩ tố dạng định ngữ mà trình bày rời rạc, thiếu sự phân tích rõ ràng về sự khác biệt trong cách sử dụng giữa các vĩ tố dạng định ngữ. Điều này dẫn đến việc sinh viên dễ nhầm lẫn về ý nghĩa và cách dùng của từng loại vĩ tố, từ đó ảnh hưởng đến khả năng diễn đạt và truyền tải nội dung trong quá trình viết câu.

Thực tế cho thấy, trong các bài viết của sinh viên, thường xuyên xuất hiện nhiều lỗi liên quan đến vĩ tố dạng định ngữ, điều này phản ánh rõ sự thiếu hụt về kiến thức ngữ pháp và kỹ năng áp dụng. Chính vì vậy, việc nghiên cứu và tìm hiểu về lỗi sai trong sử dụng vĩ tố dạng định ngữ là điều cần thiết và cấp bách, nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức một cách hệ thống, đồng thời cải thiện khả năng viết tiếng Hàn chính xác và tự tin hơn.

Việc phân tích các lỗi sai không chỉ giúp sinh viên nhận diện điểm yếu của mình mà còn góp phần xây dựng phương pháp giảng dạy hiệu quả hơn cho giảng viên. Từ đó, quá trình học tập và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ sẽ trở nên toàn diện và chất lượng hơn, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành học.

##### 4.2 Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

Thu thập ngẫu nhiên 100 bài viết với chủ đề đa dạng của 100 sinh viên năm 2 (K19) Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế ở môn Viết 2. Thống kê tần suất sử dụng vĩ tố dạng định ngữ trong các bài viết này bằng file excel. Dựa trên kết quả thu thập được, chọn ra 50 bài viết có tần suất sử dụng vĩ tố dạng định ngữ cao nhất để tiến hành nghiên cứu lỗi sai khi sử dụng vĩ tố dạng định ngữ. Mặc dù vĩ tố dạng định ngữ trong tiếng Hàn có bốn loại ‘(으)ㄴ’, ‘-는’, ‘(으)ㄹ’, và ‘-던’, tuy nhiên bài nghiên cứu chỉ tập trung vào các lỗi sai khi sử dụng ba là vĩ tố ‘(으)ㄴ’, ‘-는’, ‘(으)ㄹ’. Nguyên nhân là vì vĩ tố ‘-던’ có nhiều tầng ý nghĩa và chức năng nên dẫn đến tần suất sử dụng của sinh viên tương đối khá thấp.

##### 4.3 Phương pháp tổng hợp và phân tích

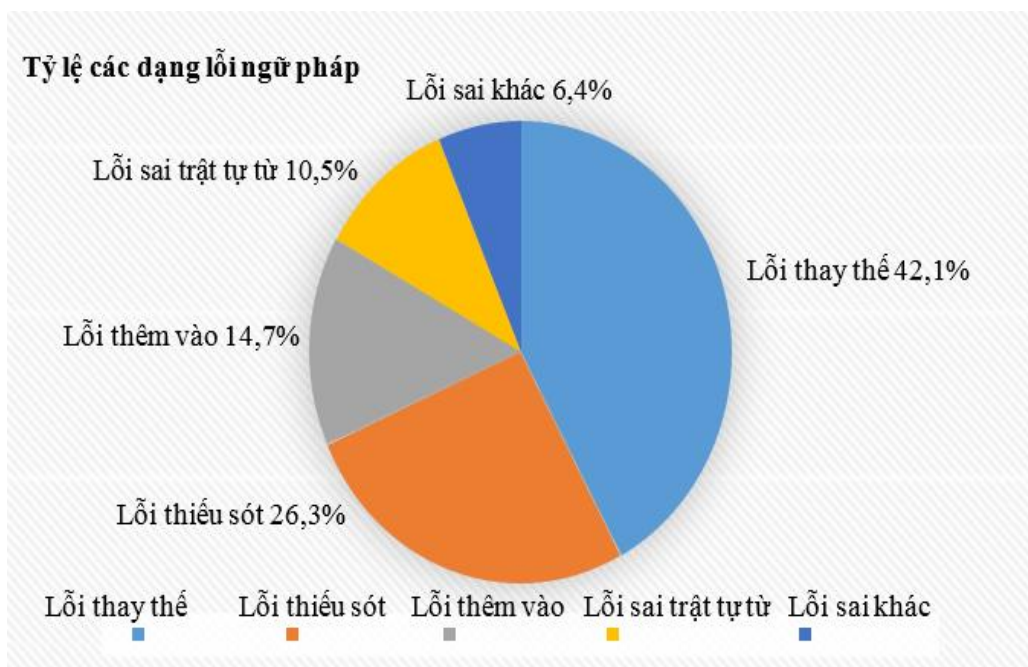
Bài nghiên cứu sử dụng các tiêu chuẩn phân loại lỗi sai ngữ pháp do Lee Jung-hee đưa ra để tổng hợp và phân tích các lỗi sai của sinh viên. Bên cạnh đó, do sự khác biệt về trật tự câu giữa

tiếng Hàn và tiếng Việt, sinh viên Việt Nam thường gặp khó khăn trong việc sắp xếp từ trong câu khi học tiếng Hàn. Vì vậy, nghiên cứu này không chỉ phân tích các lỗi sai như 대치 (thay thế), 누락 (thiếu sót) và 첨가 (thêm vào), mà còn xem xét thêm lỗi sắp xếp trật tự từ trong câu.

Thêm vào đó, bài nghiên cứu sẽ phân loại các lỗi sai của sinh viên theo từng vĩ tố dạng định ngữ là ‘-(으)ㄴ’, ‘-는’, và ‘-(으)ㄹ’, và phân tích các vĩ tố này thành các dạng lỗi thay thế, thiếu sót, thêm vào và lỗi sắp xếp trật tự từ trong câu. Ngoài ra, vì có những phần ngữ pháp có cấu trúc phức tạp chứa vĩ tố dạng định ngữ mà các sinh viên năm 2 chưa được học, nếu có lỗi sai xuất hiện trong bài viết, nghiên cứu sẽ bổ sung thêm các lỗi sai này. Khác với các trung tâm đào tạo tiếng Hàn, tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, sự cạnh tranh giữa các sinh viên rất gay gắt. Vì vậy, bên cạnh việc học theo giáo trình chính thức tại trường, việc tự học hoặc tham gia các khóa học thêm tại các trung tâm tiếng Hàn trở nên rất phổ biến. Điều này dẫn đến việc không ít sinh viên năm thứ hai đã sử dụng các cấu trúc ngữ pháp trung cấp và cao cấp.

**5. Kết quả nghiên cứu**

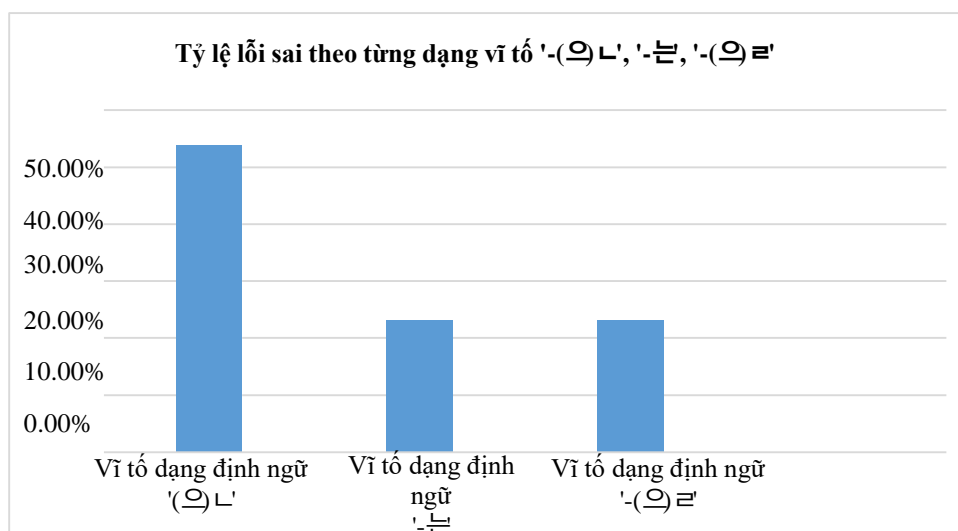
Trước tiên, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát và phân tích các lỗi sai liên quan đến vĩ tố định ngữ trong 50 bài viết của sinh viên năm thứ hai, Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Kết quả phân tích cho thấy, lỗi về trợ từ là phổ biến nhất, tiếp theo đó là các lỗi liên quan đến vĩ tố định ngữ. Đáng chú ý, tất cả 50 bài viết đều mắc lỗi về vĩ tố định ngữ, với trung bình 2 lỗi trong mỗi bài. Tổng cộng, 95 lỗi sai về vĩ tố định ngữ đã được ghi nhận. Dưới đây là biểu đồ thể hiện chi tiết tỷ lệ lỗi sai ngữ pháp theo các dạng lỗi sai.



**Biểu đồ 1.** Tỷ lệ các dạng lỗi sai ngữ pháp

Theo biểu đồ trên, trong 95 lỗi sai liên quan đến vĩ tố định ngữ của sinh viên năm thứ hai Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc phổ biến nhất là lỗi thay thế, với tổng số 40 lần, chiếm 42,1%. Tiếp theo là lỗi thiếu sót với 25 lần, chiếm 26,3%. Lỗi thêm vào chiếm 14,7% với 14 lần, lỗi về trật tự từ chiếm 10,5% với 10 lần, và các lỗi khác chiếm 6,4% với 6 lần.

Trong số các lỗi sai về vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ, -는, -(으)ㄹ’ mà sinh viên năm thứ hai Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc mắc phải, lỗi liên quan đến vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ’ là nhiều nhất với 51 lần, chiếm 53,8%. Tiếp theo là lỗi về vĩ tố dạng định ngữ ‘-는’ và vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄹ’, mỗi lỗi đều xuất hiện 22 lần, chiếm 23,1%. Có thể thấy rằng số lỗi liên quan đến vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ’ gấp khoảng 2 lần so với lỗi liên quan đến vĩ tố dạng định ngữ ‘-는’ và ‘-(으)ㄹ’.



**Biểu đồ 2.** Tỷ lệ lỗi sai theo từng dạng vĩ tố ‘-(으)ㄴ’, ‘-는’, và ‘-(으)ㄹ’

Như có thể thấy ở biểu đồ, số lỗi sai liên quan đến vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ’ là 51 lần cao hơn hẳn so với số lỗi liên quan đến đuôi định ngữ ‘-는’ 22 lần và vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄹ’ 22 lần. Nguyên nhân chính khiến lỗi về vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ’ xảy ra nhiều nhất có thể là do người học chưa nắm rõ các chức năng và ý nghĩa khác nhau của vĩ tố dạng định ngữ này. Cụ thể, khi kết hợp với tính từ, vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ’ thể hiện trạng thái hoặc thuộc tính hiện tại, trong khi khi kết hợp với động từ, nó lại biểu thị sự kiện hoặc hành động đã xảy ra trong quá khứ. Do không nhận thức rõ sự khác biệt này, nên sinh viên dễ mắc lỗi. Ngược lại, vĩ tố dạng định ngữ ‘-는’ và vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄹ’ chỉ đơn thuần biểu thị thì hiện tại và thì tương lai, do đó sinh viên có thể dễ dàng nắm bắt và sử dụng đúng hơn, dẫn đến ít lỗi liên quan đến các vĩ tố dạng định ngữ này. Để giảm thiểu lỗi sai khi sử dụng vĩ tố định ngữ ‘-(으)ㄴ’, trong quá trình giảng dạy cần đặc biệt chú trọng đến sự thay đổi ý nghĩa của vĩ tố này khi kết hợp với



động từ và tính từ. Việc làm rõ sự khác biệt này sẽ giúp sinh viên hiểu sâu hơn và áp dụng chính xác hơn trong quá trình sử dụng ngôn ngữ.

Bài nghiên cứu đã xem xét chi tiết các lỗi liên quan đến vĩ tố dạng định ngữ của sinh viên năm 2 bằng cách phân tích các câu sai mà người học đã viết, và sẽ làm rõ các lỗi sai như lỗi thay thế, lỗi thiếu hụt, lỗi thêm vào, lỗi sắp xếp trật tự từ và các lỗi khác, đồng thời tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến những lỗi này.

Lỗi thay thế chủ yếu liên quan đến vĩ tố dạng định ngữ ‘-는’ (biểu thị thì hiện tại) và vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ’ (biểu thị thì quá khứ), chiếm hơn một nửa tổng số lỗi. Ngược lại, lỗi liên quan đến vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄹ’ (biểu thị thì tương lai) tương đối thấp. Trong số 40 lỗi thay thế, lỗi liên quan đến vĩ tố dạng định ngữ ‘-는’ và ‘-(으)ㄴ’ chiếm tới 34 lỗi, tức 85%, trong khi lỗi liên quan đến vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄹ’ chỉ có 6 lỗi, chiếm 15%. Nguyên nhân chính mà hầu hết sinh viên sử dụng sai vĩ tố dạng định ngữ ‘-는’ và ‘-(으)ㄴ’ không phải là vì không phân biệt được các ý nghĩa thời gian như quá khứ, hiện tại, tương lai, mà là do họ không phân biệt được động từ và tính từ hoặc gặp khó khăn khi thêm trợ từ trong các trường hợp bất quy tắc. Dưới đây là các ví dụ cụ thể về lỗi thay thế của sinh viên.

1. a. 그때 제 인생은 정말 의미 있는 (√의미 있는) 감이 있었어요.

Lúc đó, cuộc đời tôi thực sự cảm thấy rất ý nghĩa.

b. 많은(√많은) 돈을 아끼면 친구와 같이 여행을 갈 겁니다.

Nếu tiết kiệm được nhiều tiền, tôi sẽ đi du lịch cùng bạn.

c. 적당한는 (√적당한) 지출 계획이 있습니다.

Tôi có kế hoạch chi tiêu hợp lý.

d. 아르바이트를 안 하지만 사고 싶은 (√사고 싶은) 것이 많아서 항상 열심히 공부해서 돈을 버리고 할 거예요.

Tôi không làm thêm nhưng có nhiều thứ muốn mua vì vậy tôi học chăm chỉ để kiếm tiền.

e. 좋지 않는 (√좋지 않은) 운동이 없어요.

Không có môn thể thao nào là không tốt.

f. 요즘 유행한(√유행하는) 운동은 요가인데 한번 해 봐요.

Môn thể thao đang thịnh hành dạo này là yoga, bạn hãy thử một lần xem.

Lỗi sai xuất hiện trong (1a) là do người học không nắm bắt được rằng các từ có chứa “있다, 없다” mặc dù là tính từ nhưng luôn phải kết hợp với vĩ tố dạng định ngữ ‘-는’. Trong trường hợp của (1b) và (1c), lỗi phát sinh do không nắm vững quy tắc, nếu gốc của tính từ kết

thức bằng nguyên âm thì kết hợp với vĩ tố ‘-ㄴ’ và nếu kết thúc bằng phụ âm thì kết hợp với vĩ tố ‘-은’. Trường hợp của từ “많다, 적당하다” là tính từ nhưng lại mắc lỗi cơ bản khi gắn vĩ tố ‘-는’, là vĩ tố kết hợp với gốc động từ.

Ở (1d) và (1e) thể hiện các lỗi phổ biến xảy ra khi động từ hoặc tính từ kết hợp với 보조 용언 (động từ bổ trợ hay tính từ bổ trợ). Trong (1d), động từ “사다” kết hợp với “-고 싶다”, vì “싶다” là tính từ bổ trợ nên phải gắn vĩ tố dạng định ngữ “-은” thay vì vĩ tố “-는”. Ở (1e), “-지 않다” khi kết hợp với động từ thì trở thành động từ bổ trợ và khi kết hợp với tính từ thì trở thành tính từ bổ trợ. Điều này cho thấy khi gắn vĩ tố dạng định ngữ cần phải xác định xem từ kết hợp với “-지 않다” là động từ hay tính từ. Nếu từ kết hợp là động từ thì phải gắn vĩ tố dạng định ngữ “-는” và nếu là tính từ thì phải gắn vĩ tố dạng định ngữ “-은”. Đây là lỗi phát sinh do không nắm vững quy tắc này.

Trong trường hợp của (1f), từ “유행하다” trong tiếng Hàn được phân loại là động từ, nhưng trong tiếng Việt, từ tương đương “thịnh hành” được phân loại là tính từ, do đó đã dẫn đến sai sót trong việc chọn vĩ tố dạng định ngữ.

Nguyên nhân của lỗi thay thế vĩ tố dạng định ngữ là do sinh viên chưa hoàn toàn nắm vững chức năng của vĩ tố dạng định ngữ trong quá trình học. Do đó, mặc dù ý nghĩa của câu không khác biệt, nhưng sinh viên đã mắc lỗi trong việc sử dụng vĩ tố dạng định ngữ.

Ngoài ra, sinh viên bị ảnh hưởng bởi tiếng mẹ đẻ là tiếng Việt, vốn không có vĩ tố, nên khi viết câu tiếng Hàn, một ngôn ngữ có hệ thống vĩ tố phát triển, thường xuyên gặp phải lỗi thiếu sót vĩ tố dạng định ngữ. Dưới đây là các ví dụ về lỗi thiếu sót vĩ tố dạng định ngữ.

2. a. 이제부터 제가 목표를 달성하기 위해 가장 사소하(√사소한) 것들에서 자신을 위한 구체적인 계획을 세울 것입니다.

Từ bây giờ tôi sẽ xây dựng kế hoạch cụ thể dành cho bản thân từ những việc nhỏ nhất nhất để đạt được mục tiêu.

b. 저는 대학생이 되었을 때 저는 많이 여러 가지 것을 (√여러 가지 많은 것을)

하려고 합니다.

Lúc đã trở thành sinh viên tôi dự định làm nhiều thứ.

Ở câu (2a) mặc dù đã xác định đúng vị trí của danh từ được bỏ nghĩa, nhưng đã phạm lỗi khi bỏ sót vĩ tố dạng định ngữ liên kết danh từ "것" với tính từ "사소하다". Trong câu (2b), lỗi xảy ra do không nhận thức được cụm định ngữ và danh từ. "것" là một danh từ phụ thuộc, không có tính tự lập, nên phải được bỏ nghĩa bởi định ngữ mới có thể sử dụng. Tuy nhiên, do quên mất chức năng này mà đã lỡ bỏ sót mệnh đề định ngữ. Trong tiếng Việt, một ngôn ngữ đơn lập, không

có vĩ tố dạng định ngữ, nên khi viết câu tiếng Hàn, thường xảy ra lỗi bỏ sót vĩ tố dạng định ngữ, và đây là một ví dụ điển hình.

Lỗi thêm vào vĩ tố dạng định ngữ có thể xem xét bằng các ví dụ sau.

3. a. 그리고 저축할하는(√저축하는) 동안 구두와 을 쇼핑하지 않아요.

Và trong lúc tiết kiệm tiền thì tôi không mua giày.

b. 그런데 제일 간단한하고(√간단하고) 효능적인 방법을 고를 거예요.

Nhưng tôi sẽ chọn phương pháp hiệu quả và đơn giản nhất.

Trong câu (3a) là lỗi phát sinh do thêm vào một vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)르’ không cần thiết. Nguyên nhân của lỗi này là do sinh viên nhầm lẫn việc kết hợp danh từ với động từ ‘하다’, dẫn đến việc thêm ‘하는’ vào sau dạng biến đổi ‘저축할’ của động từ ‘저축하다’. Còn ở câu (3b), lỗi xảy ra khi người học không nhận ra rằng trong trường hợp có nhiều hơn một động từ hoặc tính từ trong mệnh đề định ngữ, chỉ cần kết hợp vĩ tố dạng định ngữ với gốc động từ hoặc tính từ nối trực tiếp với danh từ. Những lỗi này xuất phát từ việc người học chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc chú ý trong quá trình học vĩ tố dạng định ngữ.

Dưới đây là các ví dụ về lỗi sai trật tự từ trong câu mà sinh viên đã phạm phải.

4. a. 모으는 돈이 많이 방법을 (√돈을 모으는 방법이 많이) 있습니다.

Có nhiều phương pháp tiết kiệm tiền.

b. 한국어 것들에 관한 (√한국어에 관한 것들을) 습득하고 의사소통 하게 되고 싶습니다.

Tôi muốn học hỏi và giao tiếp về những điều liên quan đến tiếng Hàn.

Trường hợp câu (4a) là lỗi phát sinh do không nắm bắt được vị trí và chức năng của từng thành phần trong câu. Tương tự, (4b) là lỗi xảy ra vì không xác định được mệnh đề định ngữ và danh từ cần được bỏ nghĩa. Nguyên nhân chính của những lỗi này là do cấu trúc câu của tiếng Hàn là SOV (chủ ngữ - tân ngữ - động từ), trong khi cấu trúc câu của tiếng Việt là SVO (chủ ngữ - động từ - tân ngữ). Sinh viên thường gặp phải lỗi khi sử dụng công cụ dịch để tạo ra câu tiếng Hàn. Những lỗi này có thể được coi là do sự khác biệt giữa ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ mục tiêu. Điều này cho thấy rằng sinh viên năm 2 ở trình độ đầu trung cấp nhưng vẫn có nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc nắm bắt và sắp xếp vị trí các thành phần câu.

Ngoài các lỗi đã đề cập ở trên, còn phát hiện thêm một lỗi liên quan đến cấu trúc phức hợp có chứa vĩ tố dạng định ngữ. Dưới đây là các ví dụ cụ thể.

5. a. 시간에 있을때(√있을 때) 음악을 들어요.

Khi có thời gian tôi thường nghe nhạc.

b. 요리할 때 기분이 좋은 것 같아요.(√좋은 것 같아요).

Khi nấu ăn tâm trạng có lẽ rất tốt.

c. 대학생이니까 돈을 아끼는 (√아끼는 것이) 아주 중요해요.

Vì là sinh viên nên việc tiết kiệm tiền rất quan trọng

Câu (5a) là lỗi thiếu vĩ tố dạng định ngữ ‘-ㄹ’ trong cấu trúc phức hợp ‘-을/ㄹ 때’. Lỗi này xảy ra do người học không nắm rõ cấu trúc ngữ pháp hoặc do sự bất cẩn khi cấu tạo câu.

Câu (5b) là ví dụ của việc kết hợp sai vĩ tố dạng định ngữ liên kết khi sử dụng tổ hợp cấu trúc kết thúc câu ‘-는/-(으)ㄴ/-(으)ㄹ 것 같다’. Đối với động từ, cần sử dụng vĩ tố ‘-는’, và đối với tính từ, cần sử dụng vĩ tố ‘-(으)ㄴ’. Tuy nhiên, sinh viên đã viết câu mà không phân biệt được ‘좋다’ là động từ hay tính từ, dẫn đến lỗi sai này. Trong tiếng Hàn, một số từ được phân loại là động từ có thể được sử dụng như tính từ trong tiếng Việt, dẫn đến các lỗi sai vĩ tố dạng định ngữ trong tổ hợp cấu trúc ngữ pháp.

Câu (5c) là câu thiếu danh từ được bỏ nghĩa trong cấu trúc liên kết ‘돈을 아끼다’. Vĩ tố dạng định ngữ ‘-는’ được gắn vào gốc động từ ‘아끼다’. Trong trường hợp này, người học không nhận thức được rằng mục đích của liên kết từ là làm rõ nghĩa của danh từ theo sau, và vì vậy cần phải có một danh từ bỏ nghĩa đi kèm, nên dẫn đến lỗi sai này.

Kết quả khảo sát bài viết của sinh viên năm thứ hai cho thấy tỷ lệ lỗi sai liên quan đến vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ’ cao hơn rõ rệt so với các lỗi sai vĩ tố dạng định ngữ ‘-는’ và ‘-(으)ㄹ’. Do đó, cần phải lưu ý khi sử dụng vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ’ để viết câu.

## 6. Thảo luận và đề xuất

Kết quả nghiên cứu đã phân tích và chỉ rõ các dạng lỗi sai mà sinh viên người Việt chuyên ngành tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp - trung cấp thường gặp phải. Đây là điểm mới và có giá trị của nghiên cứu này, bởi lẽ các công trình nghiên cứu trước đây chưa đi sâu vào việc hệ thống hóa và phân loại cụ thể các lỗi sai về vĩ tố dạng định ngữ, mà chủ yếu tập trung vào lý thuyết ngữ pháp, hoặc chỉ đề cập đến lỗi sai về vĩ tố dạng định ngữ như một phần nhỏ trong các nghiên cứu về ngữ pháp tổng quát.

Ngoài ra, một số nghiên cứu khác lại tập trung vào đối tượng sinh viên trình độ cao cấp, dẫn đến việc thiếu đi những phân tích chuyên sâu đối với đối tượng ở trình độ sơ cấp - trung cấp. Bằng cách tập trung vào đối tượng sinh viên năm hai chuyên ngành tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp - trung cấp, nghiên cứu này đã phản ánh rõ nét những khó khăn đặc thù mà sinh viên thường gặp phải trong quá trình sử dụng vĩ tố dạng định ngữ khi viết câu tiếng Hàn.

Để cấu tạo nên mệnh đề định ngữ, cần phải có các thành phần không thể thiếu bao gồm động từ hoặc tính từ, và danh từ. Quan sát lỗi sai cho thấy rằng sinh viên đã gắn vĩ tố dạng định ngữ phù hợp với thì vào gốc động từ hoặc tính từ, nhưng lại bỏ sót danh từ cần được bỏ nghĩa. Để tránh các lỗi sai khi viết câu sử dụng vĩ tố dạng định ngữ trong tiếng Hàn, giảng viên cần

nhấn mạnh rằng trong cấu trúc câu chứa mệnh đề định ngữ, danh từ phải luôn đi sau vĩ tố dạng định ngữ.

Sinh viên cần nhận thức rằng các mệnh đề định ngữ trong tiếng Hàn được cấu thành từ động từ hoặc tính từ nhằm bổ nghĩa cho danh từ, và các thành phần này phải được đặt trước danh từ cần bổ nghĩa. Cần nhấn mạnh rằng việc liên kết động từ hoặc tính từ với danh từ phải thông qua vĩ tố định ngữ phù hợp. Điều này rất quan trọng vì trong tiếng Việt, định ngữ thường được đặt sau danh từ, dẫn đến sinh viên dễ mắc lỗi về trật tự câu và thiếu vĩ tố định ngữ. Để sắp xếp đúng trật tự câu trong tiếng Hàn, việc xác định chính xác vĩ tố định ngữ cần gắn vào danh từ nào để bổ nghĩa là rất cần thiết.

Giảng dạy cho sinh viên năm 1 ở trình độ sơ cấp chỉ cần tập trung vào các chức năng ngữ nghĩa của vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ’, ‘-는’, và ‘-(으)ㄹ’ là biểu thị thì quá khứ, thì hiện tại và thì tương lai. Sau đó, đối với sinh viên năm thứ hai đã có sự thành thạo nhất định với vĩ tố dạng định ngữ ở mức trung cấp hoặc cao cấp, việc giới thiệu các chức năng ngữ nghĩa khác cũng rất quan trọng. Như là vĩ tố dạng định ngữ ‘-는’ không chỉ thể hiện thì hiện tại mà còn biểu thị một hành động đã xảy ra trong quá khứ nhưng lặp lại thường xuyên hoặc trở thành thói quen, hay được sử dụng khi nói về những sự thật hoặc chân lý phổ quát, hoặc khi biểu thị các sự việc trong tương lai chắc chắn sẽ xảy ra. Ở giai đoạn sơ cấp, sinh viên thường có hiểu biết hạn chế về các vĩ tố dạng định ngữ, và việc sử dụng chúng cũng chưa thành thạo. Nếu giảng dạy quá nhiều chức năng của vĩ tố dạng định ngữ trong giai đoạn này, sinh viên có thể dễ bị nhầm lẫn và dẫn đến sự quá tải về mặt kiến thức. Do đó, cần chọn lọc và tập trung vào các chức năng cơ bản nhất để giúp sinh viên nắm vững từng bước, tránh gây tác dụng ngược và tạo ra cảm giác lo lắng, mất tự tin trong quá trình học tập.

Khi giảng dạy về vĩ tố dạng định ngữ cho sinh viên, không nên vội vàng giới thiệu ngay các mệnh đề định ngữ phức tạp. Thay vào đó, nên bắt đầu từ những khái niệm cơ bản, chẳng hạn như từ loại và chức năng của từ trong câu, để sinh viên có nền tảng vững chắc. Sau khi sinh viên đã nắm vững các khái niệm cơ bản, mới dần dần chuyển sang các cấu trúc phức tạp hơn như mệnh đề định ngữ. Điều này giúp sinh viên tiếp thu kiến thức một cách tuần tự và hiệu quả hơn.

Cụ thể, khi dạy vĩ tố dạng định ngữ, trước tiên cần giúp sinh viên hiểu rằng các đuôi ‘-(으)ㄴ’, ‘-는’, và ‘-(으)ㄹ’ mang ý nghĩa quá khứ, hiện tại, và tương lai tương ứng. Sau đó, nên giải thích cách sử dụng và hình thức cơ bản của các vĩ tố dạng định ngữ này và đưa ra những trường hợp bất nguyên tắc của động từ hay tính từ khi kết hợp với vĩ tố dạng định ngữ.

Vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄴ’ khi kết hợp với gốc động từ biểu thị một hành động đã xảy ra trong quá khứ, nhưng khi kết hợp với gốc tính từ thì lại biểu thị trạng thái hoặc đặc điểm ở hiện tại. Đặc biệt, các tính từ có ‘있다, 없다’ không thể kết hợp với vĩ tố này. Vĩ tố dạng định ngữ ‘-는’ khi kết hợp với gốc động từ có chức năng biểu thị thì hiện tại và không kết hợp với gốc tính từ, ngoại trừ các tính từ có ‘있다, 없다’. Vĩ tố dạng định ngữ ‘-(으)ㄹ’ khi kết hợp với gốc động từ thể hiện một sự việc trong tương lai. Mặc dù cũng có thể kết hợp với tính từ, tần suất sử dụng trong trường hợp này rất thấp. Để tránh lỗi sai khi sử dụng vĩ tố dạng định ngữ, việc xác

định chính xác xem vĩ tố dạng định ngữ kết hợp với gốc động từ hay gốc tính từ là rất quan trọng. Điều này đặc biệt cần thiết vì một số từ trong tiếng Việt là tính từ, nhưng trái lại trong tiếng Hàn lại là động từ, hoặc cũng có những trường hợp ngược lại. Ví dụ, '어울리다' (phù hợp), '유행하다' (thịnh hành), '필요하다' (cần, cần thiết) trong tiếng Hàn là động từ. Ngoài ra, một số từ có rất nhiều nghĩa, như '쓰다' (sử dụng, viết, đăng(vị)) và '짜다' (mặn(vị), chế tạo, tổ chức), có thể là động từ hoặc tính từ tùy vào ngữ cảnh. Bên cạnh đó, cũng cần lưu ý các trường hợp bất quy tắc của động từ kết thúc bằng phụ âm 'ㄹ' như '살다'(sống), '만들다'(làm) v.v... và tính từ kết thúc bằng phụ âm cuối 'ㅂ' như '어렵다' (khó), '무겁다'(nặng) v.v... khi sử dụng vĩ tố này.

## 7. Kết luận

Kết quả nghiên cứu khảo sát việc sử dụng vĩ tố dạng định ngữ của sinh viên năm thứ hai Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc đã chỉ ra những lỗi sai mà sinh viên thường gặp phải, từ đó cho thấy những điểm quan trọng cần lưu ý trong quá trình dạy và học vĩ tố dạng định ngữ.

Thông qua nghiên cứu đã làm sáng rõ các dạng lỗi sai ngữ pháp về vĩ tố dạng định ngữ của sinh viên năm thứ hai. Trong các dạng lỗi ngữ pháp, lỗi thay thế chiếm tỉ lệ cao hơn so với lỗi thiếu sót, lỗi thêm vào, lỗi trật tự từ trong câu. Và trong các lỗi sai liên quan đến các dạng vĩ tố dạng định ngữ '-(으)ㄴ', '-는', và '-(으)ㄹ', thì lỗi sai liên quan đến vĩ tố dạng định ngữ '-(으)ㄴ' nhiều gấp đôi so với lỗi sai vĩ tố dạng định ngữ '-는', '-(으)ㄹ'. Ngoài ra, cũng xuất hiện lỗi vĩ tố dạng định ngữ trong các cấu trúc ngữ pháp phức hợp như '-을/ㄹ 때', '-는/-(으)ㄴ/-(으)ㄹ 것 같다', lỗi thiếu sót danh từ được bỏ nghĩa. Những lỗi này thường xuất phát từ việc sinh viên chưa nắm vững cấu trúc ngữ pháp tiếng Hàn hoặc sự không chú ý khi cấu tạo câu.

Đặc biệt, lỗi liên quan đến vĩ tố dạng định ngữ '-(으)ㄴ' được phát hiện ở tỷ lệ cao hơn so với các lỗi khác, cho thấy sự khó khăn trong việc phân biệt giữa động từ và tính từ, cũng như cách sử dụng các vĩ tố dạng định ngữ phù hợp. Điều này một phần là do sự khác biệt giữa cấu trúc ngữ pháp của tiếng Hàn và tiếng Việt.

Để khắc phục tình trạng này, khi giảng dạy tiếng Hàn, nên tập trung vào việc giải thích chi tiết về các vĩ tố dạng định ngữ, đặc biệt là vĩ tố '-(으)ㄴ'. Việc này không chỉ giúp sinh viên hiểu rõ hơn về cách sử dụng các cấu trúc ngữ pháp mà còn góp phần giảm thiểu lỗi sai phổ biến, nâng cao khả năng sử dụng chính xác vĩ tố dạng định ngữ và cải thiện hiệu quả học tập. Bổ sung thêm các tài liệu giảng dạy và thay đổi phương pháp giảng dạy phù hợp với năng lực của sinh viên sẽ là yếu tố quyết định trong việc hỗ trợ sinh viên tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả và chính xác hơn.

**Tài liệu tham khảo**

Dinh Thi Thu Hien (2014). *베트남인 한국어 학습자의 작문에 나타나는 내포문 오류 양상 연구*.

영남대학교 석사학위논문.

Ha Thi Thu Thuy (2011). *베트남 한국어 학습자를 위한 관형어 교육 내용 연구*. 서울대학교 대학원.

석사학위논문.

Han, S.H. (2015). 한국어 학습자의 관형사형 어미의 사용 양상 연구: 언어권과 숙달도에

따른 차이를 중심으로 국어교육학연구, 50(4), 495-52.

Kim, J.J. (2016). 베트남인 한국어 학습자 작문에 나타난 문법 오류 양상 연구, 한국문교육학회.

학술발표논문집, 2(2).

Kim, S.I. (2018). *베트남인의 한국어 오류 양상 연구: 어휘와 문법을 중심으로*. 박사 학위논문.

청주대학교 대학원

Lee, B.W. (2011). 베트남인 학습자의 작문 오류 경향 분석-조사 어미를 중심으로. *우리말*,

52(0), 105-130.

Lee, J.H. (2002). 한국어 오류 판정과 분류 방법에 관한 연구. *국제한국어교육학회*, 13(1),

175-197.

Pham Hong Phuong (2016). 베트남 고급 학습자의 글쓰기에 나타난 한국어 관형사절 사용 양상에

관한 연구. *한국리더러시학회*, 18, 189-222.

**AN ANALYSIS OF KOREAN-MAJOR STUDENTS' ERRORS IN THE USE OF ADNOMINAL SUFFIXES**

**Abstract:** The article focuses on surveying the use of adnominal suffixes by students majoring in Korean Language and Culture. Through collecting writings, statistical analysis, processing, and data analysis, the study has identified common errors that students encounter when using the adnominal suffixes ‘-(으)ㄴ’, ‘-는’, and ‘-(으)ㄹ’. The article highlights that errors related to the adnominal suffixes ‘-(으)ㄴ’ are twice as frequent as those related to the adnominal suffixes ‘-는’ and ‘-(으)ㄹ’, with substitution errors being the most common. Based on the survey results, the article provides important implications for teaching and learning adnominal suffixes.

*Key words:* Errors, adnominal suffixes, error analysis, Korean language

## PHỤ LỤC

(Bài viết của sinh viên năm thứ hai Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế)

주제:

여러분 돈을 모아서 뭐 할 거예요?

- 어떻게 저축해요?

- 저축을 많이 하려면 어떻게 해요?

- 주축을 해서 뭐 할 거예요?

Bài 1:

저는 밀크티를 마시는 것이 좋아요. 일주일에 저는 밀크티를 세 잔 마시지만 지금 돈이 모아서 일주일에 밀크티를 한 잔 마실 것이에요. 그리고 저축할하는 동안 구두과 옷을 쇼핑하지 않아요. 또 커피숍에서 대신에 집에서 만날 거예요. 중요한 것은 수입과 지출을 기록해요.

저축을 많이 하려면 아르바이트를 많이 찾아요. 현재 저는 오후 금요일, 토요일, 일요일에 백화점에서 일하고 있어요. 저는 아침 월요일, 화요일, 수요일에 더 아르 바이트를 찾으려요. 저는 저축을 많이 할 수 있으려고 노력하겠어요.

Bài 2:

어머니와 아버지가 저에게 주시는 돈을 아끼려 합니다. 돈을 좀 덜 쓸 겁니다. 간 열심히 공부해서 돈을 버려고 할 거예요. 또, 대학교에 제일 아름다운 추억을 많이 있어서 친구들도 사귀고 싶습니다.

저는 사람들에게 이야기를 자주 하고 같이 도서관이나 커피숍에서 공부할 생각일 거예요. 제가 좋아하는 동아리를 등록하고 과외활동을 적극적 참여하고 싶습니다. 그건 대학교에 제일 하고 싶을 세 가지입니다.

간식도 덜 먹고 밀크티도 덜 마십니다. 식당에 먹으러 가는 대신에 집에서 밥을 먹습니다. 많은 돈을 아끼고 싶으면 아르바이트를 가고 그 돈을 모읍니다.

돈을 모으는 다음에 한국어를 공부하려고 한국어서류를 살 겁니다. 저는 좋아 한 것들을 살 겁니다. 엄마와 아빠께 선물을 사실 겁니다. 남동생에게 선물을 살 겁니다. 많은 돈을 아끼면 친구와 같이 여행을 갈 겁니다. 돈을 아끼기 어렵니 다. 그런데 저는 노력할 겁니다.